

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

**BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**

Số: *313*/QĐ-QLDA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Biên Hòa, ngày *13* tháng *3* năm 2020

## QUYẾT ĐỊNH

### Về việc công bố công khai quyết toán năm 2019

#### GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Theo báo cáo quyết toán thu chi quản lý dự án của Ban Quản lý dự án Biên Hòa năm 2019.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu quyết toán năm 2019 của Ban Quản lý dự án Biên Hòa (theo báo cáo đính kèm).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng Tài Chính - Kế toán, Phòng Điều Hành, Phòng Kỹ Thuật Bồi Thường, Phòng Kế Hoạch - Tổng Hợp chịu trách nhiệm thực hiện quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3
- Ban Giám Đốc
- Lưu: VT (Hồng)

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Hoàng Minh**

**BÁO CÁO**  
**Quyết toán thu, chi quản lý dự án năm 2019**

- Dự toán được duyệt theo quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2019 và Công văn số 14862/UBND-KT ngày 20 tháng 11 năm 2019  
- Kinh phí chuyển sang năm sau: 3.501.525.975 đồng  
Chi tiết như sau :

**A. Nguồn thu**

Đơn vị tính : đồng

TT	Nội Dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán
	<b>Tổng cộng</b>	<b>27.365.324.678</b>	<b>13.741.727.959</b>
1	Nguồn kp năm trước chuyển sang	-	-
2	Nguồn trích từ các DA được giao quản lý:	26.948.850.679	13.284.293.350
3	Dự án bổ sung trong năm (nếu có)	-	-
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) đã trừ các khoản thuế phải nộp	366.473.999	292.734.609
5	Nguồn thu từ bán hồ sơ mời thầu và nguồn thu hợp pháp khác	50.000.000	164.700.000

**B Các khoản chi**

TT	Nội dung	Dự toán điều chỉnh lần cuối của BQLDA	Đề nghị quyết toán	Số chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng
	<b>Tổng cộng</b>		<b>(b)</b>	<b>(c)</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>9.805.913.663</b>	<b>8.239.935.991</b>	-
1	Tiền lương	2.010.394.240	1.939.387.238	-
3	Tiền công	668.470.400	657.243.140	-
4	Các khoản phụ cấp lương	472.419.136	404.548.300	-
5	Chi tiền thưởng	-	-	-
6	Chi phúc lợi tập thể	260.000.000	178.224.400	-
7	Các khoản đóng góp theo lương	533.183.190	496.880.742	-
8	Chi dịch vụ công cộng	180.000.000	131.919.353	-
9	Chi mua vật tư văn phòng	350.000.000	281.221.100	-
10	Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc	230.000.000	168.097.092	-
11	Chi hội nghị	50.000.000	11.014.000	-
12	Chi công tác phí	510.000.000	459.500.000	-
13	Chi thuê mướn	90.000.000	36.497.300	-
14	Chi đoàn ra	-	-	-
15	Chi đoàn vào	-	-	-

16	Chi sửa chữa TS	130.000.000	79.159.100	-
17	Chi khác	3.430.000.000	3.396.244.226	-
18	Dự phòng	891.446.697	-	-
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>350.000.000</b>	-	-
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	-	-	-
2	Chi mua sắm trang thiết bị, TSCĐ	200.000.000	-	-
3	Chi thực hiện tinh giảm biên chế (nếu có)	50.000.000	-	-
4	Sửa chữa lớn TSCĐ	100.000.000	-	-
5	Chi khác	-	-	-
<b>Tổng cộng chi từ dịch vụ tư vấn và bán hồ sơ mời thầu</b>		-	<b>144.350.168</b>	-
1	Chi khác	-	142.718.868	-
2	Chi photo hồ sơ	-	1.631.300	-

### C. Sử dụng các Quỹ

STT	Nội Dung	Số dư năm trước chuyển sang	Số trích năm báo cáo	Số sử dụng năm báo cáo	Số dư sử dụng năm báo cáo
1	Quỹ PTHĐSN	10.870.729.220	1.339.360.450	65.973.469	12.144.116.201
2	Quỹ BSTN	57.902.026	3.485.563.850	3.543.465.876	-
3	Quỹ KT,PL	7.543.209	532.517.500	532.517.500	7.543.209

Phân bổ giá trị quyết toán cho các dự án cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Tỷ lệ phân bổ (%)	Giá trị phân bổ (đồng)	Ghi chú
	<b>Tổng cộng</b>	<b>97%</b>	<b>13.284.293.350</b>	
	<b>Phân bổ chi phí tiền lương</b>	<b>100%</b>	<b>1.939.387.238</b>	
1	Hành chính công(QLDA)	100,0%	1.939.387.238	
	<b>Phân bổ chi phí tiền công</b>	<b>100%</b>	<b>657.243.140</b>	
1	Thay thế hệ thống đèn Led (QLDA)	100,0%	657.243.140	
	<b>Phân bổ chi phí phụ cấp lương</b>	<b>100%</b>	<b>404.548.300</b>	
1	via hè hà huy giáp ( QLDA)	100,0%	404.548.300	
	<b>Phân bổ chi phúc lợi tập thể</b>	<b>100%</b>	<b>178.224.400</b>	
1	TT HTCS đăng văn tron	100,0%	178.224.400	
	<b>Phân bổ trích nộp BHXH+BHYT+KPCĐ+BHTN</b>	<b>100%</b>	<b>496.880.742</b>	
1	Hành chính công(GS)	100,0%	496.880.742	
	<b>Phân bổ thanh toán dịch vụ công cộng</b>	<b>100%</b>	<b>131.919.353</b>	
1	l2PH TH Long Bình Tân (GS)	100,0%	131.919.353	
	<b>Phân bổ vật tư văn phòng</b>	<b>100%</b>	<b>281.221.100</b>	
1	MN Thống Nhất(QLDA)	98%	275.721.100	
2	lập HSMT-Đường Nguyễn Khắc Hiếu	2%	5.500.000	
	<b>Phân bổ thông tin tuyên truyền</b>	<b>100%</b>	<b>168.097.092</b>	
1	TH Tân Hạnh(QLDA)	100,0%	168.097.092	
	<b>Phân bổ chi hội nghị</b>	<b>100%</b>	<b>11.014.000</b>	
	TĐC Hiệp Hòa(GS)	100,0%	11.014.000	
	<b>Phân bổ công tác phí</b>	<b>100%</b>	<b>459.500.000</b>	
1	THCS Nguyễn Bình Khiêm (QLDA)	100%	459.500.000	
	<b>Phân bổ chi thuê mướn</b>	<b>100%</b>	<b>36.497.300</b>	
1	lập HSMT-THCS Thống Nhất	100,0%	36.497.300	
	<b>Phân bổ chi sửa chữa TSCĐ</b>	<b>100%</b>	<b>79.159.100</b>	

1	Đường vào trường TH Phan Bội Châu (GS)	100%	79.159.100
	<b>Phân bổ chi QLDA khác</b>	<b>100%</b>	<b>3.396.244.226</b>
1	THCS Tân Phong (QLDA)	35,5%	1.206.274.000
2	TĐC Tân Hạnh 4,2ha( QLDA)	10,4%	353.220.300
3	TĐC Tân Hạnh 4,2ha( GS)	5,9%	201.434.000
4	TĐC Hiệp Hòa(QLDA)	2,3%	78.045.926
7	Đường hẻm 2, Dương Diên Nghệ	2,4%	82.316.000
8	Đường khu Nùng tổ 1,2,3 ấp Tân Lập	3,3%	112.000.000
9	NCMR Đg Đỗ Văn Thi ( QLDA)	27,7%	941.517.000
10	QL51 kp bình dương (QLDA)	12,4%	421.437.000
	<b>Phân bổ quỹ phát triển sự nghiệp</b>	<b>100%</b>	<b>1.261.089.340</b>
1	QLDA-Đg Huỳnh Văn Lũy nổi dài (quyết toán)	23,9%	300.942.000
2	lập HSMT, GS-Huỳnh Văn Lũy nổi dài (quyết toán)	27,0%	339.928.000
3	THCS Nguyễn Bình Khiêm (GS)	24,8%	312.312.500
4	TH Hiệp Hòa(QLDA)	15,9%	200.242.700
5	Đường nối 2 khu TĐC Tân Phong 1, 2 QLDA	8,5%	107.664.140
	<b>Phân bổ quỹ thu nhập tăng thêm</b>	<b>100%</b>	<b>3.250.750.519</b>
1	phí thẩm định lại dự án đầu tư THCS Thống Nhất	0,3%	8.669.000
2	phí thẩm định dự án đầu tư THCS Thống Nhất	0,1%	4.344.000
3	XD tuyến đường nối TĐC 14,2 P Long Bình	0,1%	4.123.000
4	lập HSMT-THCS Thống Nhất	0,2%	5.900.700
5	Hành chính công(QLDA)	4,6%	148.971.762
6	Hành chính công(GS)	6,5%	212.726.758
7	THCS Nguyễn Bình Khiêm (QLDA)	9,3%	300.961.000
8	via hè hà huy giáp ( GS)	5,1%	166.743.500
9	Đường nối 2 khu TĐC Tân Phong 1, 2 QLDA	3,2%	105.042.060
10	MN Thống Nhất(GS)	4,9%	158.528.500
11	Via hè Võ Thị Sáu (QLDA)	31,6%	1.028.259.000
12	Thay thế hệ thống đèn Led (GS)	3,7%	120.836.500
13	TH An Hòa (QLDA)	7,0%	226.144.100
14	TH An Hòa (GS)	3,2%	103.377.600
15	TH Tân Hạnh(GS)	6,0%	194.061.000
16	12PH trường TH Long Bình Tân(QLDA)	6,1%	199.202.900
17	Đường vào trường TH Phan Bội Châu (QLDA)	2,7%	88.357.500
18	Đường vào trường TH Phan Bội Châu (GS)	0,2%	7.577.500
19	TH Hiệp Hòa(GS)	2,2%	72.981.500
20	MN Thống Nhất(QLDA)	0,2%	7.953.900
21	Dệt Thống Nhất (QLDA)	2,6%	85.988.739

	<b>Phân bổ quỹ khen thưởng phúc lợi</b>	<b>100%</b>	<b>532.517.500</b>	
1	QLDA-Đường hẻm 6,DDN,áp LK ( quyết toán)	9,7%	51.493.000	
2	GS-Đường hẻm 6,DDN,áp LK ( quyết toán)	10,5%	56.176.000	
3	lập HSMT-Đường hẻm 6,DDN,áp LK (quyết toán)	1,2%	6.311.000	
4	QLDA-Đường Nguyễn Khắc Hiếu (quyết toán)	6,4%	34.055.000	
5	GS-Đường trục xã Nguyễn Khắc Hiếu(quyết toán)	5,9%	31.521.000	
6	lập HSMT-Đường Nguyễn Khắc Hiếu(quyết toán)	0,5%	2.641.000	
7	Dệt Thống Nhất (QLDA)	2,5%	13.398.261	
8	Dệt Thống Nhất (GS)	17,3%	92.301.000	
9	TT HTCS đăng văn tron	2,1%	11.086.600	
10	Thay thế hệ thống đèn Led (QLDA)	4,9%	25.976.860	
11	TH Tân Hạnh(QLDA)	1,2%	6.517.908	
12	12PH TH Long Bình Tân (GS)	0,1%	465.197	
13	TĐC Hiệp Hòa(QLDA)	0,9%	4.786.474	
14	TĐC Hiệp Hòa(GS)	6,3%	33.432.000	
15	via hè hà huy giáp ( QLDA)	4,8%	25.598.200	
16	Đường nối 2 khu TĐC Tân Phong 1, 2 GS	15,6%	82.867.000	
17	Tu sửa cấp thiết Đình Tân Lân	3,5%	18.660.000	
17	QLDA-Đường hẻm 2, QL51(quyết toán)	2,8%	15.071.000	
18	GS-Đường hẻm 2, QL51(quyết toán)	3,8%	20.160.000	

**\* Ghi chú:**

- **Kinh phí còn dư trích dự án được giao quản lý là:**

**5.044.357.359 đồng**

**\* Trích lập quỹ:**

+ Quỹ phát triển sự nghiệp:

1.261.089.340 đồng

+ Quỹ thu nhập tăng thêm:

3.250.750.519 đồng

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi:

532.517.500 đồng

+ Số chênh lệch còn lại trích bổ sung vào quỹ phát triển sự nghiệp:

0 đồng

- **Kinh phí còn dư trích dịch vụ tư vấn và bán hồ sơ mời thầu**

**313.084.441 đồng**





**\* Trích lập quỹ:**

+ Quỹ phát triển sự nghiệp:

78.271.110 đồng

+ Quỹ thu nhập tăng thêm:

234.813.331 đồng

<b>Ban QLDA</b>	<b>Kho bạc nhà nước Đồng Nai</b>
<b>Kế toán trưởng</b> (Ký, ghi rõ họ tên)     <i>Trịnh Thị Yến Thu</i>  <i>Nguyễn Hoàng Minh</i>	<b>GIÁM ĐỐC</b> (Ký tên, đóng dấu) Xác nhận: - Kinh phí đã thanh toán trong năm là: <b>17.986.777.873<sup>d</sup></b> - Kinh phí còn dư là: <b>3.501.525.975<sup>d</sup></b>  <b>PHỤ TRÁCH KSC</b> (Ký, ghi rõ họ tên)  <b>GIÁM ĐỐC</b> (Ký tên, đóng dấu)    <i>Nguyễn Thị Tố Hoa</i> <i>Phạm Vũ Hiệu</i>